

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CUM'GAR  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/DS-ST

Ngày: 20/4/2022

V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CUM'GAR**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thiên Lý

**Các Hội thẩm nhân dân:** 1. Ông Trương Minh Mẫn; 2. Bà Trần Thị Thanh  
Thẩm

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Trung – Là thư ký Tòa án nhân dân  
huyện Cum'gar.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cum'gar tham gia phiên tòa:**  
Ông Dương Hoàng Long – Kiểm sát viên

Trong ngày 20 tháng 4 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện  
Cum'gar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 414/2021/TLST-  
DS ngày 11 tháng 11 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo  
Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXXST-DS ngày 10/3/2022 và Quyết  
định hoãn phiên tòa số 15/2022/QĐST-DS ngày 28/3/2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Địa chỉ: 266-268 N, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng  
giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Phạm Đình V – Chức vụ: Giám  
đốc chi nhánh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Mạnh C –  
Chức vụ: Trưởng phòng Phòng giao dịch Nguyễn Tất Thành (Có mặt) (Theo giấy  
ủy quyền số 89/2021/GUQ-CNDL ngày 19 tháng 10 năm 2021).

Địa chỉ: 242C-242D N, Phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

**- Bị đơn:** Ông Chu Thanh T và bà Võ Thị P. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 18/01/2021, quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Mạnh C trình bày:*

Bà Võ Thị P và ông Chu Thanh T có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Thương mại cổ phần S (gọi tắt là ngân hàng) tại chi nhánh Đắk Lắk – Phòng giao dịch Nguyễn Tất Thành để vay vốn về sản xuất nông nghiệp. Cụ thể: Hợp đồng tín dụng số LD1921700757 ngày 16/8/2019, số tiền vay 230.000.000 đồng, lãi suất vay 11%/năm tại thời điểm ký hợp đồng và nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng, ngày trả nợ cuối cùng 16/8/2019. Từ ngày 18/8/2020, khoản vay của bà Phượng và ông Tuấn đã chuyển sang nợ quá hạn.

Để đảm bảo cho khoản vay, bà Võ Thị P và ông Chu Thanh T có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0388/2016/TC/NTT ngày 10/8/2016 thế chấp thửa đất số 52, tờ bản đồ số 18, diện tích 12.939,8 m<sup>2</sup> tại xã Q, huyện C theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 753568 do UBND huyện CưM'gar cấp ngày 01/7/2016 cho Ông Chu Thanh T và bà Võ Thị P.

Hiện nay, ông T và bà P đã đi khỏi địa phương, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị P và ông Chu Thanh T trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền là 323.277.213 đồng. Trong đó, nợ gốc là 230.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 67.835.509 đồng, nợ lãi quá hạn tạm tính đến ngày 19/4/2022 là 25.441.704 đồng; đồng thời thu toàn bộ nợ lãi phát sinh từ ngày 20/4/2022 cho đến khi bà Võ Thị P và ông Chu Thanh T trả hết nợ cho Ngân hàng. Trong trường hợp bà Võ Thị P và ông Chu Thanh T không trả được nợ thì đề nghị phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Quá trình làm việc và xác minh tại địa phương thì bà Võ Thị P và ông Chu Thanh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk nhưng đã bỏ đi khỏi địa phương từ năm 2021, hiện địa phương không rõ ông Tuấn, bà Phượng ở đâu. Mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà Võ Thị P và ông Chu Thanh T vẫn vắng mặt tại các buổi làm việc, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên xét xử nên Tòa án không thể lấy ý kiến của ông Tuấn, bà Phượng về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không thể tiến hành hòa giải được.

**Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án:**

Về tố tụng: Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa về cơ bản đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, vắng mặt tại phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 463; 464; 466; 468 Bộ luật dân sự: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Võ Thị P và ông Chu Thanh T trả toàn bộ số nợ gốc 230.000.000 đồng và lãi suất cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S. Trường hợp bà Võ Thị P và ông Chu Thanh T không trả nợ hoặc không trả nợ đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Về án phí: Bà Võ Thị P và ông Chu Thanh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về quan hệ pháp luật:** Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn là bà Võ Thị P và ông Chu Thanh T, trú tại thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk trả số tiền đã vay và lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CưM'gar theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

**[2] Về thủ tục tố tụng:** Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn bà Võ Thị P và ông Chu Thanh T nhưng bà P và ông T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà P và ông T là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

#### **[3] Về nội dung:**

**[3.1] Về số nợ:** Căn cứ vào lời trình bày của đương sự và các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ cơ sở xác định:

Vợ chồng ông Chu Thanh T, bà Võ Thị P có vay vốn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần S (sau đây viết tắt là Ngân hàng) theo hợp đồng tín dụng số LD1921700757 ngày 16/8/2019, số tiền vay 230.000.000 đồng, mục đích vay để đầu tư sản xuất nông nghiệp, lãi suất vay 11%/năm tại thời điểm ký hợp đồng và nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng, ngày trả nợ cuối cùng 16/8/2019. Đến ngày 18/8/2020 khoản vay của ông T và bà P đã chuyển sang nợ quá hạn nhưng ông T và bà P không thanh toán nợ cho Ngân hàng. Xét hợp đồng tín dụng ký kết giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, việc vợ chồng Chu Thanh T, bà Võ Thị P không trả nợ cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo hợp đồng tín dụng nên

Ngân hàng có quyền yêu cầu bên vay trả toàn bộ số nợ đã vay theo quy định tại khoản 7.4 Điều 7 của Hợp đồng tín dụng. Do đó, cần buộc vợ chồng Chu Thanh T, bà Võ Thị P trả nợ toàn bộ số nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng là phù hợp với quy định tại các Điều 463; 466; 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Cụ thể: Số nợ gốc là 230.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 67.835.509 đồng, nợ lãi quá hạn tạm tính đến ngày 19/4/2022 là 25.441.704 đồng; tiếp tục tính nợ lãi phát sinh kể từ ngày 20/4/2022 theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số LD1921700757 ngày 16/8/2019 cho đến khi vợ chồng Chu Thanh T, bà Võ Thị P thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán nợ.

[3.2] Về tài sản bảo đảm: Để bảo đảm cho khoản vay trên, vợ chồng ông Chu Thanh T, bà Võ Thị P ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0388/2016/TC/NTT ngày 10/8/2016 thế chấp thửa đất số 52, tờ bản đồ số 18, diện tích 12.939,8 m<sup>2</sup> tại xã Q, huyện C theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 753568 do UBND huyện CưM'gar cấp ngày 01/7/2016 cho Ông Chu Thanh T và bà Võ Thị P. Hiện nay tài sản trên đã bỏ hoang, không ai quản lý, sử dụng. Do đó, sau khi Ông Chu Thanh T và bà Võ Thị P trả xong nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại cho ông T và bà P bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 753568 do UBND huyện CưM'gar cấp ngày 01/7/2016 cho Ông Chu Thanh T và bà Võ Thị P. Trong trường hợp Ông Chu Thanh T và bà Võ Thị P không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[3.3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu xem xét thẩm định của nguyên đơn là có căn cứ nên bị đơn ông Chu Thanh T, bà Võ Thị P phải chịu 1.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ngân hàng được nhận lại 1.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định sau khi thu được từ Ông Chu Thanh T và bà Võ Thị P.

[3.4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn Ông Chu Thanh T và bà Võ Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả. Cụ thể:

Án phí = 323.277.213 đồng x 5% = 16.164.000 đồng.

***Vì các lẽ trên:***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 157; Điều 158; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.*

*Áp dụng các Điều 463; 466; 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Thông tư số 12/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước.*

*Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.*

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Buộc vợ chồng ông Chu Thanh T, bà Võ Thị P có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền nợ gốc là 230.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 67.835.509 đồng, nợ lãi quá hạn tạm tính đến ngày 19/4/2022 là 25.441.704 đồng; tiếp tục tính nợ lãi phát sinh kể từ ngày 20/4/2022 theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số LD1921700757 ngày 16/8/2019 cho đến khi vợ chồng Chu Thanh T, bà Võ Thị P thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán nợ.

Khi vợ chồng ông Chu Thanh T, bà Võ Thị P trả xong nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần S có trách nhiệm trả lại cho ông T và bà P bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 753568 do UBND huyện CuM'gar cấp ngày 01/7/2016 cho Ông Chu Thanh T và bà Võ Thị P.

Trường hợp vợ chồng ông Chu Thanh T, bà Võ Thị P không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần S có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản theo hợp đồng thế chấp số 0388/2016/TC/NTT ngày 10/8/2016 đối với thửa đất số 52, tờ bản đồ số 18, diện tích 12.939,8 m<sup>2</sup> tại xã Q, huyện C theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 753568 do UBND huyện CuM'gar cấp ngày 01/7/2016 cho Ông Chu Thanh T và bà Võ Thị P để thu hồi nợ.

*Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:* Vợ chồng ông Chu Thanh T, bà Võ Thị P phải chịu 1.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ngân hàng Thương mại cổ phần S được nhận lại 1.000.000 đồng tiền tạm ứng xem xét thẩm định tại chỗ sau khi thu được ông T và bà P.

*Về án phí:* Vợ chồng ông Chu Thanh T, bà Võ Thị P phải chịu 16.164.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng Thương mại cổ phần S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.571.000 đồng theo biên lai thu số AA/2021/0001454 ngày 09/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện CuM'gar.

Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

*Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND huyện CưM'gar
- THADS huyện CưM'gar
- Nguyên đơn; bị đơn
- Lưu hồ sơ vụ án
- Lưu VT

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Nguyễn Thị Thiên Lý**